

Bản án số: 127/2021/HS-ST

Ngày: 29 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ngọc Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Thị Hồng Hạnh

Bà Nguyễn Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 147/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

- Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1968, tại: Bình Định; Hộ khẩu thường trú: xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: đường K, Phường I, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị V; Có chồng Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1958 và có 02 con lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1991 tiền sự: không; tiền án: không; tạm giữ, tạm giam ngày: 30/12/2020; (Có mặt).

- *Bị hại:* 1/-Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; Trú tại: đường K, Phường I, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt); 2/- Ông Trần Văn T, sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: xã N, huyện G, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: đường S, Phường A, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.(Vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* 1/ - Bà Hàn Thị B, sinh năm 1965; Trú tại: đường K, Phường I, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt); 3/- Bà Lê Thúy D, sinh năm 1985; Trú tại: đường K, Phường I, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.(Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2016, bà Nguyễn Thị L có cho Nguyễn Thị Hồng H về ở chung nhà tại địa chỉ: phường I, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 8/2020 lợi dụng việc bà L để quên chìa khóa tủ, H đã lấy và cắt dấu chìa khóa. Sau đó, lợi dụng lúc bà L không có nhà H đã lén lút lấy trộm 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS64283; CS64284; CS68649; CS44082 cùng sổ hộ khẩu của bà L. Sau khi trộm được H đem 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS68649 và số CS44082 cùng cuốn Sổ hộ khẩu đến tiệm cầm đồ Nghĩa Hưng địa chỉ tại Phường I, quận Gò Vấp do ông Trần Văn T để cầm, H giả danh bà Nguyễn Thị L để anh T đồng ý cầm với số tiền 115.000.000 đồng và viết giấy cầm đồ mang tên bà L. Còn hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS64283 và CS64284 H đem đi cầm cho đối tượng Trần Hữu Th, H không nhớ địa chỉ, chỉ nhớ Th ở trên đường Phan Văn Hón, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cầm được 100.000.000 đồng.

Đến ngày 05/11/2020, lợi dụng lúc bà L không có ở nhà H dùng chìa khóa mở tủ quần áo của chị L lấy trộm tài sản gồm: 01 vòng cổ kèm 01 mặt dây chuyền kim loại bằng vàng; 01 nhẫn vàng có khắc chữ “AH 610” đính đá màu trắng; 01 nhẫn vàng có khắc chữ “TD.610M” và chữ “KTR” có đính đá màu xanh; 01 đôi bông tai vàng hình tròn có họa tiết bông hoa có gắn nhiều đá màu trắng; 01 dây chuyền vàng dài 48cm kèm 01 mặt dây chuyền vàng có gắn đá màu trắng; 01 vòng tay vàng bên trong có chữ “TD.610” và chữ “Mi Hồng”. Sau khi lấy trộm được tài sản, H đến tiệm vàng Kim Phát Bình tại địa chỉ phường I, quận Gò Vấp do ông Hàn Thị B làm chủ để cầm 01 vòng cổ kim loại bằng vàng (có mặt kim loại) được số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu) đồng. Ngày 07/11/2020, H tiếp tục đem 01 vòng tay, 01 dây chuyền (mặt dây chuyền), 01 đôi bông tai, 02 nhẫn vàng đến tiệm vàng Kim Thành tại địa chỉ Phường I, quận Gò Vấp cầm được số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu) đồng. Tổng số tiền có được sau khi đi cầm vàng là 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu) đồng cầm 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu) đồng H dùng để trả nợ và tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà L có hỏi H thì H thừa nhận đã lấy trộm những tài sản trên và hứa hẹn sẽ chuộc lại số tài sản đã cầm để trả lại cho bà L. Đến ngày 29/12/2020 không thấy H thực hiện lời hứa nên bà L đưa H đến Công an Phường I, quận Gò Vấp để tố cáo vụ việc nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị Hồng H đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Công an đã đưa H đến các tiệm cầm đồ đã thu hồi được 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS68649; số CS44082 cùng cuốn Sổ hộ khẩu và toàn bộ sổ vàng nữ trang nêu trên. Riêng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS64283 và số CS64284 do H không biết được nhân thân lai lịch của đối tượng Trần Hữu Th nên Cơ quan điều tra không xác minh được để thu hồi lại giấy tờ nhà cho chị L. Do 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Sổ hộ khẩu không phải là loại giấy tờ có giá không phải là tài sản nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Hồng H về hành vi trộm các giấy trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL ngày 03/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận: 01 dây chuyền dài 48cm kèm 01 mặt dây chuyền vàng có gắn đá màu trắng, khối lượng tổng 5,89 gram + 2,63 gram trị giá 6.490.000 đồng; 01 đôi bông tai vàng hình tròn có họa tiết bông hoa, có gắn đá màu trắng, khối lượng tổng 5,7 gram, trị giá 4.621.000 đồng; 01 nhẫn vàng có chữ “TD.610M” và chữ “KTR”, có đính đá màu xanh, khối lượng tổng 4,3 gram trị giá 2.658.000 đồng; 01 nhẫn vàng, có chữ “AH 610” đính đá màu trắng, khối lượng 2,8 gram trị giá 2.496.000 đồng; 01 vòng cổ vàng kèm 01 mặt dây chuyền vàng có gắn đá màu xanh và trắng, khối lượng tổng 19,25 gram + 7,57 gram trị giá 23.478.000 đồng. Tổng trị giá là 58.971.000 đồng (năm mươi tám triệu chín trăm bảy mươi một nghìn) đồng. Riêng đối với các loại đá đính kèm theo tài sản Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp quận không có cơ sở kết luận chính xác giá trị tài sản do không rõ các thông tin về chất liệu các loại đá đính kèm.

Bà Nguyễn Thị L là người bị hại đã nhận lại số tài sản do H chiếm đoạt. Riêng hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS64283 và số CS64284 H đem đi cầm không thu hồi được thì bà L đã đi làm thủ tục xin được cấp lại và không có yêu cầu gì khác.

Đối với ông Trần Văn T, ông Phạm Văn L và bà Hàn Thị B là các chủ tiệm cầm đồ đều khai nhận không biết tài sản H đem đến cầm là tài sản do trộm cắp được mà có. Do đó, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông T, ông L và bà B về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tại Cơ quan điều tra ông Trần Văn T yêu cầu H trả lại số tiền cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 115.000.000 đồng; ông Phạm Văn L yêu cầu H trả lại số tiền 34.000.000 đồng và bà Hàn Thị B yêu cầu H trả số tiền 17.000.000 đồng, đến nay H chưa có khả năng bồi thường số tiền nêu trên.

Đối với Trần Hữu Th là người H cầm 02 giấy chứng nhận quyền sử đất nhưng không xác định được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ để xử lý.

Vật chứng thu giữ:

- 01 vòng cổ kèm 01 mặt dây chuyền kim loại bằng vàng; 01 nhẫn vàng có khắc chữ “AH 610” đính đá màu trắng; 01 nhẫn vàng có khắc chữ “TD.610M” và chữ “KTR” có đính đá màu xanh; 01 đôi bông tai vàng hình tròn có họa tiết bông hoa có gắn nhiều đá màu trắng; 01 dây chuyền vàng dài 48cm kèm 01 mặt dây chuyền vàng có gắn đá màu trắng; 01 vòng tay vàng bên trong có chữ “TD.610” và chữ “Mi Hồng” và 02 Giấy chứng nhận quyền sử đất số CS68649; số CS44082 cùng cuốn Sổ hộ khẩu. Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho người bị hại là bà Nguyễn Thị L.

Tại bản cáo trạng số 146/CTr-VKS, ngày 06/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố Nguyễn Thị Hồng H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 và khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đã đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 và điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng H từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”; từ 02 năm 6 tháng đến 03 năm tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 02 tội danh đề nghị xử phạt từ 04 năm 6 tháng đến 05 năm 6 tháng tù.

- Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

- Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại và những người liên quan.

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính 100.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng thì Nguyễn Thị Hồng H đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

[2] Đối chiếu lời khai bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, cùng với tang vật đã thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Công an quận Gò

Vấp, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Nguyễn Thị Hồng H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt tương tự được quy định tại Điều 173 và 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

[3] Lợi dụng sự mất cảnh giác của bị hại, bị cáo đã lút lấy trộm tài sản rất táo bạo và liều lĩnh. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Pháp luật và Nhà nước bảo hộ. Mặt khác, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội và tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Ngoài ra, sau khi lấy trộm các giấy chứng nhận quyền sử đất và hộ khẩu của bị hại bị cáo đã bằng thủ đoạn lừa dối cầm cho bị hại Trần Văn T với tư cách là chủ sở hữu để chiếm đoạt số tiền hơn 100.000.000 đồng . Vì vậy, việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng quy định của pháp luật, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giúp cho bị cáo có điều kiện học tập cải tạo lại mình sau này biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác. Do bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp và lừa đảo với giá trị tài sản trên 50.000.000 đồng nên viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố bị cáo theo khoản 2 Điều 173 và 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017 là có cơ sở. Do bị cáo phạm cùng lúc 02 tội nên khi lượng hình cần thiết áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017 để tổng hợp hình phạt cho bị cáo.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo một số tình tiết: Tại Cơ quan điều tra và qua diễn biến phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà khai báo thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo hoàn cảnh gia đình thật sự khó khăn, tài sản đã được thu hồi một phần trả lại cho bị hại để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, xét tính chất vụ án và bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa hôm nay bị hại bà Nguyễn Thị L vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện bà đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt hiện không thắc mắc khiếu nại gì. Đối với bị hại Trần Văn T và những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng qua hồ sơ thể hiện ông Trần Văn T yêu cầu bồi thường 115.000.000 đồng, bà Hàn Thị B yêu cầu bồi thường 17.000.000 đồng và bà Lê Thúy D (vợ ông Phạm Văn L) yêu cầu bồi thường 34.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đồng ý bồi

thường theo yêu cầu của bị hại và những người liên quan. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là yêu cầu và sự thỏa thuận tự nguyện không trái pháp luật nên ghi nhận

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 vòng cổ kèm 01 mặt dây chuyền kim loại bằng vàng; 01 nhẫn vàng có khắc chữ “AH 610” đính đá màu trắng; 01 nhẫn vàng có khắc chữ “TD.610M” và chữ “KTR” có đính đá màu xanh; 01 đôi bông tai vàng hình tròn có họa tiết bông hoa có gắn nhiều đá màu trắng; 01 dây chuyền vàng dài 48cm kèm 01 mặt dây chuyền vàng có gắn đá màu trắng; 01 vòng tay vàng bên trong có chữ “TD.610” và chữ “Mi Hồng” và 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS68649; số CS44082 cùng cuốn Sổ hộ khẩu. Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho người bị hại là bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy việc trả lại tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, nên tại phiên tòa hôm nay không đưa ra xem xét lại.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng bị cáo cầm của đối tượng tên Trần Hữu Th đã tiêu xài hết là tiền thu lợi bất chính, Hội đồng xét thấy cần thiết buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng H phạm tội “Trộm cắp Tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173 và điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng H 02 (hai) năm tù. Về tội “trộm cắp tài sản”; 02 (hai) năm 3 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt cho 02 (hai) tội danh buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giam 30/12/2020.

Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng H bồi thường cho ông Trần Văn T số tiền 115.000.000 (một trăm mười lăm triệu) đồng, bà Hàn Thị B số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng và bà Lê Thúy D số tiền 34.000.000 (ba mươi bốn triệu) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Kể từ ngày ông Trần Văn T, bà Hàn Thị B và bà Lê Thúy D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thi hành khoản tiền bồi thường nêu trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Buộc bị cáo nộp lại 100.000.000 (một trăm triệu) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 8.300.000 (tám triệu ba trăm ngàn) đồng.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại và những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Thi hành án Q. Gò Vấp;
- Công an Q. Gò Vấp;
- Bị cáo;
- Bị hại.
- Người CQLNVLQ
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoàng Ngọc Hải